

Bản án số: 166/2021/ HNGĐ-ST.

Ngày: 30/6/2021

V/v: Ly hôn giữa Anh Nguyễn

Văn H và chị Đặng Thị Bảy

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bùi Bùi Thị Hồng
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Lê Mạnh Nhanh
Ông Nguyễn Đại Đồng

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:**

Ông Nguyễn Duy Quang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức.

- **Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức** tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thị Lan – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức - TP. Hà Nội; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, Sinh năm 1975;

- **Bị đơn:** - Sinh năm 1984;

Đều có hộ khẩu thường trú tại đội ..., thôn Viêm Kh, xã Hợp T, huyện Mỹ Đ, TP. H.

Tại phiên tòa: Anh H có mặt, Chị B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Văn H và Chị Đặng Thị B kết hôn năm 2004 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn tại ủy ban xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, Tp. Hà Nội, sau khi cưới Chị B về nhà Anh H sinh sống, cho đến đầu năm 2017 thì hai bên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát, hai bên gia đình đã tìm nhiều biện pháp hòa giải nhưng không có kết quả, đến đầu 2019 Chị B đã bỏ Anh H và con cái về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống sau đó đi làm ở đâu không rõ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Anh H xin được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Ngọc M sinh ngày 23/9/2004 và cháu: Nguyễn Minh Nh sinh ngày 26/02/2008 hiện đang ở với Anh H. Nguyễn vọng Anh H muốn được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu Chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh H trình bày không có tài sản chung, công nợ chung vợ chồng.

Phía bị đơn, Không tiến hành lấy lời khai được của chị B, quá trình giải quyết vụ án, Chị B không đến Tòa án để làm việc và cũng không có quan điểm trình bày về việc ly hôn và nuôi con chung, tài sản công nợ chung.

Xác minh qua mẹ đẻ của Chị B là bà Đỗ Thị V trình bày: Chị B có kết hôn với Anh H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến năm 2004. Sau khi kết hôn được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, Chị B về nhà Anh H để sinh sống được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn nên Chị B đã bỏ nhà chồng và về sinh sống cùng bà V, hiện tại Chị B vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã Hợp T nhưng do mưu sinh, Chị B đi làm xa nhưng nhà thường xuyên về nhà bà V và vẫn giữ liên lạc với bà V qua điện thoại, bà V xin nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án từ văn bản thông báo thụ lý, thông báo Hòa giải công khai chứng cứ và các quyết định đưa vụ án ra xét xử... đã và sẽ có trách nhiệm thông báo, giao lại ngay trong ngày cho Chị B được biết để về làm việc với Tòa án.

Tại phiên tòa: Anh H vẫn giữ các quan điểm như trong đơn khởi kiện và trình bày tại Tòa án, Chủ Tọa công bố lời khai của người làm chứng trong vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương thấy rằng: Chị B vẫn có đăng ký hộ khẩu tại xã Hợp T, chưa cắt chuyển hộ khẩu hay đăng ký tạm vắng, tạm trú đi nơi khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự, bị đơn xử vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, Tòa án tổng đạt hợp lệ và xét xử vụ án là đúng quy định tại điều 227 BLTTDS.

Đối với HĐXX đã thực hiện đúng các thủ tục, quy trình và thực hiện xét xử công tâm khách quan tại phiên tòa.

Về đường lối: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Nguyễn Văn H đối với chị Đặng Thị B.

Về con chung: Cần giao cả hai con chung cho Anh H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các bên có yêu cầu mới.

Về tài sản chung, công nợ vợ chồng: Cần tách vấn đề về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng để giải quyết trong vụ án khác để đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt.

Án phí: Anh H chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật tất cả các văn bản trong từng giai đoạn tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, Vì vậy Tòa án đã quyết định mở phiên tòa xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự:

Xét quan hệ hôn nhân: Anh H và Chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã có thẩm quyền. Đây là hôn nhân tự nguyện và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của Anh H: Anh chị kết hôn năm 2004, quá trình sinh sống thời gian dài mới phát sinh mâu thuẫn, nhưng từ thời điểm có mâu thuẫn đã được đôi bên gia đình góp ý, hòa giải đôi bên đoàn tụ nhưng không kết quả, Chị B đã bỏ đi và ly thân với Anh H đến nay đã nhiều năm (từ đầu năm 2019). Ngay cả khi ly hôn Chị B được gia đình thông báo nhưng cũng không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Phía Anh H có quan điểm, do thời gian ly thân quá dài, chị B không có đoái hoài đến con chung và không mấy may mắn tình cảm với Anh H nên tình cảm vợ chồng đã thực sự chấm dứt, Anh H có yêu cầu được Ly hôn để mong muốn tìm kiếm hạnh phúc mới. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của Anh H là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung hiện vẫn đang ở cùng Anh H, xét thấy hiện tại Chị B không có mặt ở địa phương do đi làm ăn xa, nên không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dạy các con chung. Cần chấp nhận các đề nghị của Anh H giao cả hai con chung cho Anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đề nghị Chị B trợ cấp nuôi con chung cho Anh H cho đến khi các bên có yêu cầu mới về người nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh H trình bày không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên chưa có quan điểm của Chị B về vấn đề này, cần thiết tách phần tài sản chung và công nợ chung vợ

chồng để giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện của Chị B để đảm bảo quyền lợi cho đương sự vắng mặt.

- Án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng pháp luật: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ, điều 147, điều 273, 271 BL TTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về... án phí lệ phí Tòa án.

Xử cho Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Đặng Thị B.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của Anh H, Giao Anh H được tiếp tục nuôi cả 02 con chung là cháu Cháu Nguyễn Ngọc M sinh ngày 23/9/2004 và cháu Nguyễn Minh Nh sinh ngày 26/02/2008, chấp nhận yêu cầu của Anh H không đề nghị Chị B trợ cấp nuôi con chung cho Anh H cho đến khi các bên có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung.

Chị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo pháp luật không ai được ngăn cản.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Tách phần tài sản chung và công nợ chung vợ chồng để giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có đủ điều kiện và có yêu cầu, để đảm bảo quyền và lợi ích cho đương sự vắng mặt.

- Án phí: Anh H chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí Anh H đã nộp tại biên lai thu số 0038528 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn; ĐD hợp pháp của bị đơn

- VKSND huyện Mỹ Đức;

- Chi cục THA Dân sự huyện Mỹ Đức. ;

- Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến

- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hồng